

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2022
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Minh;
Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Thanh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐ-ST ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Hoàng Hạnh N, địa chỉ: Khối A, thị trấn S, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quang B, địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Khối A, thị trấn S, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh tại Nhật Bản, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Hoàng Hạnh N trình bày:

Chị Đỗ Hoàng Hạnh N và anh Trần Quang B đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 12/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống được 06 năm thì đến tháng 9/2018, anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ ngày anh B đi xuất khẩu lao động cho đến nay anh B

không liên lạc, thăm hỏi gì vợ con. Từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa. Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh B có 02 con chung là cháu Trần Phúc K, sinh ngày 18/3/2013 và cháu Trần Phúc N, sinh ngày 12/7/2017, hiện nay các cháu đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quang B không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị N.

Do bố của anh B đã chết, mẹ của anh B hiện đang đi làm ăn tại Lào nên Tòa án tiến hành xác minh đối với bà Đỗ Thị Diễm Nhi (chị dâu của anh Trần Quang B). Tại Biên bản xác minh ngày 18/02/2022, bà Đỗ Thị Diễm Nhi trình bày:

Anh B và chị N kết hôn năm 2012. Năm 2018, anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, mâu thuẫn giữa anh B và chị N gia đình không được rõ. Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của anh B tại Nhật Bản, nhưng anh B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội Facebook, Zalo. Bà Đỗ Thị Diễm N cam đoan sẽ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh B và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho anh B được biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản nên đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Hoàng Hạnh N được ly hôn anh Trần Quang B.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Phúc K, sinh ngày 18/3/2013 và cháu Trần Phúc N, sinh ngày 12/7/2017 cho chị Đỗ Hoàng Hạnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Đỗ Hoàng Hạnh N chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Hoàng Hạnh N yêu cầu ly hôn với anh Trần Quang B khi anh B đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị N và gia đình anh B không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Nhật Bản, nhưng phía gia đình của anh B vẫn thường xuyên liên lạc với anh B qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội facebook, Zalo. Gia đình anh B nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo cho anh B nhưng anh B không cung cấp địa chỉ, trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Hoàng Hạnh N, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Hoàng Hạnh N và anh Trần Quang B trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị N kiên quyết ly hôn, anh B không liên lạc với chị N để bàn bạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện, mâu thuẫn giữa chị N và anh B không thể hàn gắn được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh B.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh B có 02 con chung là cháu Trần Phúc K, sinh ngày 18/3/2013 và cháu Trần Phúc N, sinh ngày 12/7/2017, hiện đang ở với chị N. Xét nguyện vọng nuôi con của chị N và

nguyện vọng của các cháu thấy rằng, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu nên căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Phúc K và Trần Phúc N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Hoàng Hạnh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Hoàng Hạnh N được ly hôn anh Trần Quang B.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phúc K, sinh ngày 18/3/2013 và cháu Trần Phúc N, sinh ngày 12/7/2017 cho chị Đỗ Hoàng Hạnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trần Quang B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Quang B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Hoàng Hạnh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000046 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Đỗ Hoàng Hạnh N đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND x.Hướng Tân, h. Hướng Hóa;
- Lưu:Hồ sơ vụ án; VP Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Minh

Phan Thị Gái

Nguyễn Thị Hà